



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 4.6.8.../HEID-CV
V/v: Công bố BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2016

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2016

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

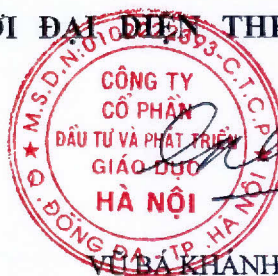
1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ – Cát Linh- Đống Đa – Hà Nội
4. Điện thoại: 0.4.35123939 – Fax: 0.4.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Bá Khánh (Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2016 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (được lập ngày 26/08/2016).
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	05 - 41
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản Trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Trần Ái	Chủ tịch danh dự
Ông Mạc Văn Thiện	Chủ tịch
Ông Vũ Bá Khánh	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Như Hà	Thành viên
Bà Dương Thị Việt Hà	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thị Phương	Trưởng Ban
Bà Phí Ngọc Uyên	Thành viên
Ông Phạm Văn Cẩn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỘ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

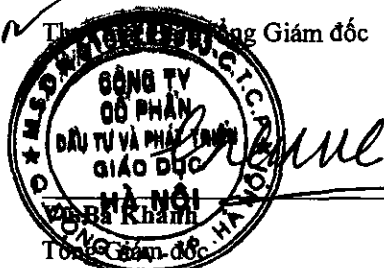
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thị Trường Giám đốc



Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		328.215.405.332	251.898.448.060
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.532.357.022	35.508.880.544
111	1. Tiền		9.532.357.022	15.508.880.544
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	22.032.300	15.989.800
121	1. Chứng khoán kinh doanh		118.776.400	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(96.744.100)	(102.786.600)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		145.890.851.818	65.867.488.098
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	145.825.119.854	41.165.980.979
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.055.995.480	25.233.294.906
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.363.347.811	5.320.287.647
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(9.353.611.327)	(5.852.075.434)
140	IV. Hàng tồn kho	9	157.764.068.347	135.374.766.391
141	1. Hàng tồn kho		167.672.022.169	146.295.508.059
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(9.907.953.822)	(10.920.741.668)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		15.006.095.845	15.131.323.227
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	14.381.477.115	14.777.193.810
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	54.986.516
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	624.618.730	299.142.901

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

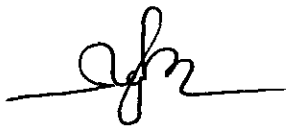
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		122.047.382.959	123.157.545.311
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.139.800.000	4.139.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	4.139.800.000	4.139.800.000
220	II. Tài sản cố định		2.957.757.477	3.292.468.253
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.957.757.477	3.292.468.253
222	- Nguyên giá		6.736.372.484	6.736.372.484
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.778.615.007)	(3.443.904.231)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	72.413.165.468	74.158.061.018
231	- Nguyên giá		87.244.777.643	87.244.777.643
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.831.612.175)	(13.086.716.625)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		5.832.011.818	4.999.011.818
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	5.832.011.818	4.999.011.818
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	15.813.055.535	13.128.055.344
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		14.600.555.535	12.378.055.344
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.212.500.000	750.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		20.891.592.661	23.440.148.878
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	6.076.197.500	7.365.225.619
269	2. Lợi thế thương mại	14	14.815.395.161	16.074.923.259
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		450.262.788.291	375.055.993.371

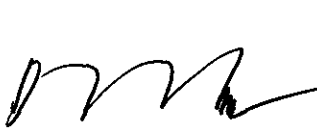
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016


(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		224.418.226.610	154.830.414.051
310	I. Nợ ngắn hạn		223.061.383.210	153.473.570.651
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	72.034.630.630	29.524.730.566
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	2.944.795.516	7.548.472
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	7.234.098.390	1.680.471.338
314	4. Phải trả người lao động		10.662.305.652	8.030.424.441
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	30.224.339.580	20.729.715.998
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	440.542.083	716.937.261
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	98.190.912.917	88.211.121.788
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.329.758.442	4.572.620.787
330	II. Nợ dài hạn		1.356.843.400	1.356.843.400
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	1.356.843.400	1.356.843.400
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		225.844.561.681	220.225.579.320
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	225.844.561.681	220.225.579.320
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.945.655.948	1.945.655.948
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		38.855.648.876	34.868.448.349
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.841.038.561	11.841.038.561
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.202.218.296	21.570.436.462
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(563.156.582)	(955.602.602)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		23.765.374.878	22.526.039.064
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		450.262.788.291	375.055.993.371


 Luong Ngoc Bích
 Người lập biểu


 Dương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng




 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

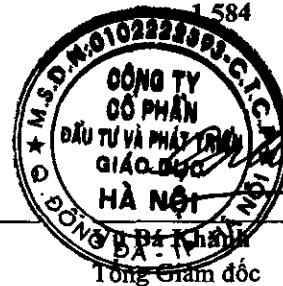
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	300.755.922.349	238.120.187.966
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	1.484.651.437	1.683.299.065
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		299.271.270.912	236.436.888.901
11	4. Giá vốn hàng bán	25	213.009.199.600	173.022.655.098
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		86.262.071.312	63.414.233.803
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	314.546.577	340.675.065
22	7. Chi phí tài chính	27	3.055.650.894	3.194.214.558
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		3.061.685.006	3.191.988.487
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		410.000.191	(21.586.218)
25	9. Chi phí bán hàng	28	29.049.558.762	16.884.339.653
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	23.989.326.401	16.619.133.171
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30.892.082.023	27.035.635.268
31	12. Thu nhập khác		5.409.591	4.698.604
32	13. Chi phí khác	30	262.266.249	585.768.454
40	14. Lợi nhuận khác		(256.856.658)	(581.069.850)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.635.225.365	26.454.565.418
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	6.869.850.487	6.170.111.716
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>23.765.374.878</u>	<u>20.284.453.702</u>
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		23.765.374.878	20.284.453.702
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	1.584	1.356



Lương Ngọc Bích
 Người lập biểu



Đương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2016



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2016	năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		30.635.225.365	26.454.565.418
	2. Điều chỉnh cho các khoản		8.158.978.209	11.536.537.352
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		3.339.134.424	3.232.061.469
03	- Các khoản dự phòng		2.482.705.547	5.453.162.461
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(724.546.768)	(340.675.065)
06	- Chi phí lãi vay		3.061.685.006	3.191.988.487
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		38.794.203.574	37.991.102.770
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(83.795.388.926)	(49.768.947.723)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(21.376.514.110)	(48.818.888.731)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		57.860.375.720	39.555.716.674
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.684.744.814	(461.807.888)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.059.363.419)	(3.103.912.512)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.809.164.019)	(785.156.467)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		44.000.000	44.386.218
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.303.254.862)	(3.463.162.498)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(14.960.361.228)	(28.810.670.157)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(833.000.000)	(2.319.900.000)
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.275.000.000)	-
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		314.546.577	379.425.065
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.793.453.423)	(940.474.935)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	5.122.365.948
33	2. Tiền thu từ đi vay		126.988.873.470	133.313.118.167
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(117.009.082.341)	(126.956.161.807)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18.202.500.000)	(17.482.320.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(8.222.708.871)	(6.002.997.692)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(25.976.523.522)	(35.754.142.784)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		35.508.880.544	49.219.443.206
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>9.532.357.022</u>	<u>13.465.300.422</u>

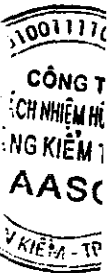
Lương Ngọc Bích
Người lập biểu

Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 VND. Tương đương 15.000.000 cổ phần ; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- Phát hành sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách hỗ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn quý II và Quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới). Đặc điểm này dẫn đến số dư một số khoản mục như Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Phải trả người bán ngắn hạn, Hàng tồn kho (Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, Thành phẩm), Chi phí phải trả ngắn hạn tại thời điểm 30/06 hàng năm sẽ tăng mạnh so với thời điểm đầu năm.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có 02 Công ty con được hợp nhất bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	100%	100%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục

Công ty có 01 công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Hà Nội	46,34%	46,34%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

Thông tin về công ty liên kết của Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết mua trong kỳ được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa

đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ đối với hoạt động kinh doanh sách: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-----------|
| - Phương tiện vận tải | 06-10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03-05 năm |

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------------|--------|
| - Nhà cửa và quyền sử dụng đất | 50 năm |
|--------------------------------|--------|

2.10. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá vốn của hàng tồn kho.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Vay và chi phí đi vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí tổ chức bán thảo, chi phí chiết khấu phát hành... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

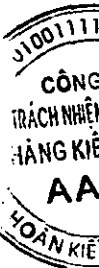
2.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.



4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu	118.776.400	11.982.300	(96.744.100)	118.776.400	5.669.800	(102.786.600)
Cổ phiếu chưa niêm yết ^[1]	97.000.000		(86.950.000)	97.000.000		(86.680.000)
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (STL)	74.600.000		(70.550.000)	74.600.000		(69.800.000)
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (PHH)	22.400.000		(16.400.000)	22.400.000		(16.880.000)
Cổ phiếu đã niêm yết ^[2]	21.776.400		(9.794.100)	21.776.400		(16.106.600)
- Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (LSS)	21.500.000	11.937.500	(9.562.500)	21.500.000	5.625.000	(15.875.000)
- Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC)	276.400	44.800	(231.600)	276.400	44.800	(231.600)
	118.776.400	11.982.300	(96.744.100)	118.776.400	5.669.800	(102.786.600)

^[1] Đối với các loại cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

^[2] Giá trị hợp lý của cổ phiếu LSS được xác định bằng giá giao dịch bình quân trên sàn HNX tại ngày 30/06/2016, giá trị hợp lý của cổ phiếu QNC được xác định bằng giá đóng cửa trên sàn HOSE tại ngày 30/06/2016.

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	30/06/2016				01/01/2016			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
			VND	VND	VND		VND	VND
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	46,34%	46,34%	14.600.555.535	Hà Nội	40,24%	40,24%	12.378.055.344
				14.600.555.535				12.378.055.344

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.212.500.000	-	750.000.000	-
	1.212.500.000	-	750.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Nội	14.580.871.192	3.500.706.272
- Công ty CP sách và thiết bị trường học Hà Tây	13.308.078.232	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa	11.295.493.785	6.976.851.025
- Công ty CP Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên	9.283.444.059	869.068.001
- Công ty CP Phát hành sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh	9.140.418.547	384.053.542
- Công ty CP Phát hành sách và Thiết bị trường học Thái Nguyên	7.570.502.547	1.747.149.626
- Công ty CP Phát hành sách và Thiết bị trường học Nghệ An	7.051.490.768	1.564.853.849
- Công ty CP Phát hành sách và Thiết bị trường học Sơn La	5.406.714.654	1.354.763.965
- Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	5.297.822.814	-
- Công ty CP Phát hành sách và Thiết bị trường học Tuyên Quang	5.223.390.551	2.881.317.156
- Các khoản phải thu khách hàng khác	57.666.892.705	21.887.217.543
	145.825.119.854	41.165.980.979
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 37)	31.358.096.061	6.192.872.228

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam	970.750.000	-	-	-
Công ty CP Du Lịch Việt Nam - Hà Nội	718.000.000	-	-	-
Công ty CP Thương Mại Du Lịch Hà Nội Xanh	690.830.000	-	-	-
Nhà Máy in Bộ tổng tham mưu	299.690.360	-	11.232.063.551	-
Trả trước cho người bán khác	1.376.725.120	-	14.001.231.355	-
	4.055.995.480	-	25.233.294.906	-

7. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	152.000.000	-	208.000.000	-
Phải thu Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam ^[1]	4.833.866.507	-	4.747.292.997	-
Ông Hoàng Văn Vân	-	-	146.286.000	-
Phải thu khác	377.481.304	-	218.708.650	-
	5.363.347.811	-	5.320.287.647	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	39.800.000	-	39.800.000	-
Phải thu về tiền thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam ^[1]	4.100.000.000	-	4.100.000.000	-
	4.139.800.000	-	4.139.800.000	-

^[1] Công ty đang đầu tư vào Quỹ đầu tư xuất bản theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư ngày 30/12/2013 với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam trong thời gian 5 năm. Mục đích của Quỹ là Đầu tư cho hoạt động xuất bản nhằm phát triển hệ thống xuất bản phẩm giáo dục nói chung và Sách giáo khoa, sách bản thảo nói riêng. Việc phân chia kết quả đầu tư sẽ do các bên góp vốn thực hiện trên cơ sở kết quả đầu tư và mức góp vốn của các nhà đầu tư. Tại thời điểm 30/06/2016, hoạt động góp vốn này vẫn đang trong giai đoạn triển khai và các bên tham gia Hợp đồng chưa thể xác định được cụ thể về lợi nhuận hay rủi ro sẽ nhận được từ việc đầu tư này.

8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa	11.295.493.785	8.074.416.321	6.976.851.025	2.882.027.749
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	1.369.779.450	684.889.725	-	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	1.360.153.340	680.076.670	-	-
Các đối tượng nợ phải thu khác	10.574.483.704	5.806.916.236	1.908.555.454	151.303.296
	24.599.910.279	15.246.298.952	8.885.406.479	3.033.331.045

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	43.561.298.436	-	48.971.627.871	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	28.133.940.655	-	16.901.962.722	-
Thành phẩm	61.896.040.162	5.139.606.482	26.468.189.115	4.996.817.636
Hàng hoá	31.027.408.487	4.768.347.340	40.138.379.635	5.923.924.032
Hàng gửi đi bán	3.053.334.429	-	13.815.348.716	-
	167.672.022.169	9.907.953.822	146.295.508.059	10.920.741.668

Như đã trình bày tại thuyết minh số 1, do tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nên chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm tại thời điểm 30/06/2016 tăng đột biến so với đầu năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thành phẩm, hàng hóa được trích lập thêm do giá trị các loại Sách chậm luân chuyển, đã lạc hậu về nội dung, cũ nát, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ và đang chờ thanh lý tăng so với thời điểm đầu năm. Các loại sách này sẽ được Công ty xem xét biện pháp thanh lý khi hết mùa vụ phát hành.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ^[1]	10.042.050.387	8.374.560.713
- Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	308.849.089	308.749.090
- Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ ^[2]	4.030.577.639	6.093.884.007
	14.381.477.115	14.777.193.810
b) Dài hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	20.273.902	45.594.129
- Chi phí mua bản quyền in sách	601.376.944	774.176.944
- Chi phí thuê kho ^[3]	5.454.546.654	6.545.454.546
	6.076.197.500	7.365.225.619

^[1] Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán/(Giá vốn hàng bán + Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ).

^[2] Phí bán thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong kỳ.

^[3] Đây là chi phí thuê kho ở Bộ tổng Tham mưu trả trước cho 04 năm từ năm 2015 đến năm 2018 theo hợp đồng thuê kho số 137/HĐKT ngày 09/12/2013 và Phụ lục hợp đồng số 137/PLHĐKT ngày 01/06/2014.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.319.939.480	416.433.004	6.736.372.484
Số dư cuối kỳ	6.319.939.480	416.433.004	6.736.372.484
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.099.953.248	343.950.983	3.443.904.231
- Khấu hao trong kỳ	311.695.950	23.014.826	334.710.776
Số dư cuối kỳ	3.411.649.198	366.965.809	3.778.615.007
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	3.219.986.232	72.482.021	3.292.468.253
Tại ngày cuối kỳ	2.908.290.282	49.467.195	2.957.757.477

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.867.169.302 VND.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là tòa nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B Ngõ 6A, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội với nguyên giá là 87.244.777.643 VND, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2016 là 14.831.612.175 VND trong đó khấu hao từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 là 1.744.895.550 VND.

Bất động sản đầu tư này đang được sử dụng để cho thuê và được dùng để đảm bảo cho Hợp đồng vay tín dụng số 01/2015-HĐTĐHM/NHCT106-HEID ngày 17/07/2015 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỪ DANG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công trình nhà kho tại Xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ^[1]	5.532.011.818	4.699.011.818
Công trình Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa ^[2]	300.000.000	300.000.000
	5.832.011.818	4.999.011.818

^[1] Góp vốn theo Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa các bên Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội; Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất theo hình thức tài sản đồng kiểm soát. Theo hợp đồng này, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan;
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: phần góp vốn của Công ty Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND;
- Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty đã thực hiện góp 90% số tiền theo yêu cầu của hợp đồng, tương ứng là 1.723.950.000 VND.

Trong năm 2013, Theo Biên bản họp ngày 06/06/2013 giữa 5 công ty trên đã thống nhất:

- Tiếp tục thực hiện Dự án và cùng nhau đóng góp kinh phí để thực hiện các giai đoạn còn lại của Dự án;
- Phần vốn tham gia đầu tư của Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội sẽ chuyển giao lại toàn bộ cho Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam;
- Đồng ý ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam để thực hiện dịch vụ xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng cho Dự án.

Năm 2013, Công ty đã góp tiếp số tiền thực hiện dự án là 401.000.000 VND theo các Công văn phân bổ kinh phí của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội. Tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án lũy kế đến 31/12/2013 là 2.124.950.000 VND.

Năm 2014, Công ty đã góp tiếp số tiền thực hiện dự án là 2.116.061.818 VND. Tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án lũy kế đến 31/12/2014 là 4.241.011.818 VND. Trong đó nhận chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Phụ lục hợp đồng số 01/2014/PLHĐGV ngày 01/07/2014 là 1.271.061.818 VND; Còn lại là góp vốn theo các công văn với tổng số tiền là 2.943.950.000 VND.

Năm 2015, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 458.000.000 VND theo các Công văn phân bổ kinh phí của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội. Tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án lũy kế đến 31/12/2015 là 4.699.011.818 VND.



6 tháng đầu năm 2016, Công ty đã tiếp tục ứng số tiền thực hiện dự án là 833.000.000 VND. Tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án lũy kế đến 30/06/2016 là 5.532.011.818 VND.

^[2] Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại Quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc Dự án “Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa”. Hiện tại Dự án này đang tạm dừng đầu tư.

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (công ty con) với tổng giá trị là 25.190.561.959 VND được phân bổ trong vòng 10 năm (120 tháng), thời gian phân bổ còn lại là 69 tháng, số đã phân bổ vào kết quả kinh doanh lũy kế đến cuối kỳ là 10.705.988.833 VND, trong đó phân bổ vào kết quả kinh doanh kỳ này là 1.259.528.098 VND.

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây (công ty liên kết) với tổng giá trị là 367.580.039 VND đã phân bổ vào kết quả kinh doanh lũy kế đến thời điểm cuối kỳ là 36.758.004 VND. Theo hướng dẫn tại Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Công ty không tiếp tục phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	29.193.032.410	29.193.032.410	12.934.149.027	12.934.149.027
- Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	7.229.922.328	7.229.922.328	548.615.990	548.615.990
- Phải trả cho các đối tượng khác	35.611.675.892	35.611.675.892	16.041.965.549	16.041.965.549
	72.034.630.630	72.034.630.630	29.524.730.566	29.524.730.566
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 37)				
	39.564.248.029	39.564.248.029	15.579.097.193	15.579.097.193

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	285.415.133	1.600.276.170	925.623.759	-	960.067.544
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	901.911.633	6.869.850.487	1.809.164.019	-	5.962.598.101
Thuế thu nhập cá nhân	291.299.901	479.755.735	1.793.077.379	2.289.876.198	619.775.730	311.432.745
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	113.390	231.557.110	231.670.500	-	-
Các loại thuế khác	7.843.000	13.275.447	231.557.110	13.275.447	4.843.000	-
	299.142.901	1.680.471.338	10.726.318.256	5.269.609.923	624.618.730	7.234.098.390

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Bắc Ninh	837.669.634	-
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Hà Tĩnh	1.891.042.278	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	216.083.604	7.548.472
	2.944.795.516	7.548.472

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	101.630.573	99.308.986
Trích trước chi phí tổ chức bán thảo, quản lý xuất bán, công in	21.495.789.711	15.004.246.266
Trích trước chi phí chiết khấu phát hành	3.883.677.850	4.258.149.466
Trích trước chi phí vận chuyển	1.503.666.912	321.830.837
Trích trước chi phí thuê kho, thuê văn phòng	268.663.636	-
Trích trước chi phí bản quyền bộ Từ điển Bách khoa Britannica	411.860.898	411.860.898
Chi phí phải trả khác	2.559.050.000	634.319.545
	30.224.339.580	20.729.715.998

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	125.204.881	261.089.297
Bảo hiểm xã hội	7.525.316	2.144.486
Bảo hiểm y tế	931.298	-
Bảo hiểm thất nghiệp	413.910	-
Nhận ký quỹ, ký cược	145.488.640	145.488.640
Các khoản phải trả, phải nộp khác	160.978.038	308.214.838
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	25.000.000	97.500.000
- Phải trả Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam ^[1]	135.978.038	135.978.038
- Phải trả các đối tượng khác	-	74.736.800
	440.542.083	716.937.261
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	1.356.843.400	1.356.843.400
	1.356.843.400	1.356.843.400

^[1] Theo cam kết tại Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công số 01/2012/HHTC-HĐCNV ngày 04/03/2012 và Biên bản thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam), Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí sẽ phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản công nợ, nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác với các bên thứ 3 phát sinh và có nguồn gốc phát sinh tại Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công từ ngày 31/03/2012 trở về trước. Do đó, Công ty sẽ theo dõi các khoản công nợ phát sinh từ trước ngày 31/03/2012 trên mã công nợ của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí.

20. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2016		Trong năm		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ^[1]	81.737.213.814	81.737.213.814	104.878.604.518	109.233.048.482	77.382.769.850	77.382.769.850
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam ^[2]	6.473.907.974	6.473.907.974	22.110.268.952	7.776.033.859	20.808.143.067	20.808.143.067
	88.211.121.788	88.211.121.788	126.988.873.470	117.009.082.341	98.190.912.917	98.190.912.917

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

^[1] Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HỆTDHM/NHCT106-HEID ngày 17/07/2015 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VND; Trong đó bao gồm cả tổng số dư L/C phát hành không vượt quá 50.000.000.000 VND;
- Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến ngày 30/06/2016;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 8 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tài sản gắn liền với đất của công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công, Theo thông báo kết quả thẩm định và định giá tài sản số 657A/2014 TB-AMC.HN-TĐ ngày 11/06/2014 với giá trị: 67.336.000.000 VND.

^[2] Hợp đồng tín dụng số 130-000-220577 ngày 31/07/2014 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 130-000-220577/3 giữa bên cho vay là Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 32.000.000.000 VND;
- Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến ngày 31/07/2016;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, Phát hành thư báo lãnh;
- Thời hạn giải ngân: 1 năm; Thời hạn cho vay: 6 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán/ cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu và được ghi trong sổ kế toán của bên thế chấp tại thời điểm hiện tại hoặc trong tương lai với giá trị ít nhất tương đương 30.000.000.000 VND.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	24.166.950	(3.200.876.950)	29.010.550.892	10.270.524.238	19.479.841.005	205.584.206.135
Tăng vốn trong kỳ trước	-	1.932.783.050	3.200.876.950	-	-	-	5.133.660.000
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	20.284.453.702	20.284.453.702
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	(17.482.320.000)	(17.482.320.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.354.802.167	-	(2.354.802.167)	-
Chi phí phát hành tăng vốn	-	(11.294.052)	-	-	-	-	(11.294.052)
Số dư cuối kỳ trước	150.000.000.000	1.945.655.948	-	31.365.353.059	10.270.524.238	19.927.172.540	213.508.705.785
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	1.945.655.948	-	34.868.448.349	11.841.038.561	21.570.436.462	220.225.579.320
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	23.765.374.878	23.765.374.878
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.987.200.527	-	(3.987.200.527)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(16.392.517)	(16.392.517)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(130.000.000)	(130.000.000)
Số dư cuối kỳ này	150.000.000.000	1.945.655.948	-	38.855.648.876	11.841.038.561	23.202.218.296	225.844.561.681

Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tại công ty mẹ ^[1]	Tại Công ty con, công ty liên kết ^[2]	Tổng Cộng
	VND	VND	VND
Tạm phân phối trong năm 2015			
- Bỏ sung quỹ bổ sung vốn điều lệ	1.570.514.323	-	1.570.514.323
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.141.028.646	-	3.141.028.646
- Trích Quỹ điều hành của HĐQT, BKS	1.570.514.323	-	1.570.514.323
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	3.141.028.648	-	3.141.028.648
Thực hiện phân phối trong kỳ này			
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	3.987.200.527	-	3.987.200.527
- Chi trả cổ tức	18.000.000.000	130.000.000	18.130.000.000
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	16.392.517	16.392.517

^[1] Công ty mẹ phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2016.

^[2] Số liệu đã điều chỉnh theo tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại mỗi công ty con, công ty liên kết.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2016	Tỷ lệ	01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	60.246.000.000	40,16%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	12.083.890.000	8,06%	12.083.890.000	8,06%
Các cổ đông khác	77.670.110.000	51,78%	77.670.110.000	51,78%
Cộng	150.000.000.000	100,00%	150.000.000.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>150.000.000.000</i>	<i>150.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>150.000.000.000</i>	<i>150.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.000.000.000	17.482.320.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>18.000.000.000</i>	<i>17.482.320.000</i>

d) Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

e) Các quỹ của Công ty

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	38.855.648.876	34.868.448.349
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.841.038.561	11.841.038.561
	50.696.687.437	46.709.486.910

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không huỷ ngang theo các thời hạn:		
- Từ 1 năm trở xuống	3.583.112.725	3.583.112.727
- Từ 1 năm đến 5 năm	4.867.774.545	6.659.330.909

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	296.846.878.880	234.660.065.514
- Doanh thu bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	176.270.083.379	142.060.548.289
- Doanh thu bán lịch Block	2.773.578.220	1.333.289.199
- Doanh thu bán sách tham khảo	62.289.811.898	29.982.218.241
- Doanh thu bán vật tư	19.896.118.757	21.709.655.378
- Doanh thu bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	35.617.286.626	39.574.354.407
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	3.909.043.469	3.460.122.452
	300.755.922.349	238.120.187.966
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 37)	47.701.247.583	40.533.215.004

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.051.196.527	1.388.472.807
Giảm giá hàng bán	433.454.910	294.826.258
	1.484.651.437	1.683.299.065

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	210.932.522.220	166.923.795.873
- Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	107.424.848.123	99.922.447.557
- Giá vốn bán lịch Block	2.479.328.756	1.259.665.425
- Giá vốn bán sách tham khảo	54.214.990.291	17.263.356.276
- Giá vốn bán vật tư	19.827.535.407	22.366.008.313
- Giá vốn bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	26.985.819.643	26.112.318.302
Giá vốn bất động sản đầu tư cho thuê	3.089.465.226	2.769.449.869
Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.012.787.846)	3.329.409.356
	213.009.199.600	173.022.655.098

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	209.546.577	75.280.065
Cổ tức, lợi nhuận được chia	105.000.000	265.395.000
	314.546.577	340.675.065

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.061.685.006	3.191.988.487
Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(6.042.500)	497.100
Chi phí tài chính khác	8.388	1.728.971
	3.055.650.894	3.194.214.558

11110
 CÔNG
 CH NHIỆM
 NG KIẾ
 AA
 DAN KI

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	209.145.621	61.283.802
Chi phí nhân công	12.345.651.854	10.292.041.315
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	212.781.513	39.104.546
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.644.164	62.014.904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.280.193.120	6.088.843.915
Chi phí khác bằng tiền	7.996.142.490	341.051.171
	29.049.558.762	16.884.339.653

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.423.548.499	222.162.644
Chi phí nhân công	7.441.480.747	4.455.956.847
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	195.455.954	7.400.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	329.066.612	165.622.917
Thuế, phí và lệ phí	247.596.991	231.670.500
Chi phí dự phòng	3.501.535.893	2.123.256.005
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.828.232.610	5.009.681.232
Chi phí khác bằng tiền	6.762.880.997	3.143.854.928
Lợi thế thương mại	1.259.528.098	1.259.528.098
	23.989.326.401	16.619.133.171

30. CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thuế GTGT được hoàn trả lại Công ty CP Hồng Hà Việt Nam ^[1]	-	560.844.737
Các khoản bị phạt theo thanh tra thuế	262.266.249	-
Các khoản khác	-	24.923.717
	262.266.249	585.768.454

^[1] Xử lý căn cứ theo Biên bản đối chiếu số liệu số 02/BBĐC-HHVN ngày 08/06/2015 giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội, Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành công và Công ty CP Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty CP Hồng Hà Việt Nam) về việc phân chia tiền thuế GTGT được hoàn từ dự án đầu tư cho Công ty CP Hồng Hà Việt Nam.

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	30.635.225.365	26.454.565.418
Các khoản điều chỉnh tăng	1.619.127.677	1.960.407.728
Các khoản điều chỉnh giảm	(515.000.191)	(286.981.218)
Thu nhập chịu thuế TNDN (Thuế suất 22%)	-	26.497.399.712
Thu nhập chịu thuế TNDN (Thuế suất 20%) ^[1]	31.739.352.851	1.630.592.216
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>6.347.870.571</u>	<u>6.165.044.316</u>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	521.979.916	5.067.400
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	901.911.633	392.481.256
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(1.809.164.019)	(785.156.467)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	<u>5.962.598.101</u>	<u>5.777.436.505</u>

^[1] Thuế suất thuế TNDN trong kỳ trước tại Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công được áp dụng mức thuế suất 20% theo điều 11 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014.

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	23.765.374.878	20.284.453.702
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	23.765.374.878	20.284.453.702
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	14.954.715
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.584</u>	<u>1.356</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	101.072.271.876	84.508.563.869
Chi phí nhân công	19.953.866.601	14.747.998.162
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	485.424.422	114.686.364
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.079.606.326	1.972.533.371
Thuế, phí và lệ phí	247.596.991	231.670.500
Chi phí dự phòng	3.501.535.893	2.123.256.005
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.751.843.162	44.947.165.261
Chi phí khác bằng tiền	15.987.256.208	6.186.174.150
Lợi thế thương mại	1.259.528.098	1.259.528.098
	212.338.929.577	156.091.575.780

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.532.357.022	-	35.508.880.544	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	155.328.267.665	(9.353.611.327)	50.626.068.626	(5.852.075.434)
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(96.744.100)	118.776.400	(102.786.600)
Đầu tư dài hạn	1.212.500.000	-	750.000.000	-
	166.191.901.087	(9.450.355.427)	87.003.725.570	(5.954.862.034)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	98.190.912.917	88.211.121.788
Phải trả người bán, phải trả khác	73.832.016.113	31.598.511.227
Chi phí phải trả	30.224.339.580	20.729.715.998
	202.247.268.610	140.539.349.013

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.532.357.022	-	9.532.357.022
Phải thu khách hàng, phải thu khác	141.834.856.338	4.139.800.000	145.974.656.338
Đầu tư ngắn hạn	22.032.300	-	22.032.300
Đầu tư dài hạn	-	1.212.500.000	1.212.500.000
Cộng	151.389.245.660	5.352.300.000	156.741.545.660
Tại ngày 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.508.880.544	-	35.508.880.544
Phải thu khách hàng, phải thu khác	40.634.193.192	4.139.800.000	44.773.993.192
Đầu tư ngắn hạn	15.989.800	-	15.989.800
Đầu tư dài hạn	-	750.000.000	750.000.000
Cộng	76.159.063.536	4.889.800.000	81.048.863.536

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2016			
Vay và nợ	98.190.912.917	-	98.190.912.917
Phải trả người bán, phải trả khác	72.475.172.713	1.356.843.400	73.832.016.113
Chi phí phải trả	30.224.339.580	-	30.224.339.580
	200.890.425.210	1.356.843.400	202.247.268.610
Tại ngày 01/01/2016			
Vay và nợ	88.211.121.788	-	88.211.121.788
Phải trả người bán, phải trả khác	30.241.667.827	1.356.843.400	31.598.511.227
Chi phí phải trả	20.729.715.998	-	20.729.715.998
	139.182.505.613	1.356.843.400	140.539.349.013

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Kinh doanh sách và thiết bị giáo dục	Kinh doanh Bất động sản và xây dựng	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	296.778.404.455	5.497.227.478	302.275.631.933	(3.004.361.021)	299.271.270.912
Giá vốn từ bán hàng và dịch vụ	211.335.911.386	3.089.465.226	214.425.376.612	(1.416.177.012)	213.009.199.600
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	85.442.493.069	2.407.762.252	87.850.255.321	(1.588.184.009)	86.262.071.312
Tài sản bộ phận	483.918.884.050	108.879.424.964	592.798.309.014	(142.535.520.723)	450.262.788.291
Nợ phải trả của các bộ phận	252.347.874.777	2.283.573.252	254.631.448.029	(30.213.221.419)	224.418.226.610

Theo khu vực địa lý

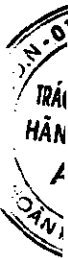
Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2016	năm 2015
		VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa		47.701.247.583	40.533.215.004
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	19.360.963.458	18.487.599.481
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	110.147.882	51.873.765
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	2.226.590	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn	906.400	2.255.447.360
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	3.023.235.169	4.107.376.205
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	5.342.347.427	5.266.322.936
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	2.016.027.649	1.524.835.992
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	186.743	3.778.600
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	981.832.796	561.845.644
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	5.457.493.614	137.530.000
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	603.947.147	1.772.757.874
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	2.424.893.994	184.278.680
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	4.375.240.065	1.344.980.300
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	1.690.735.124	1.556.648.818
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	2.295.642.775	1.965.951.173
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	5.900.000	7.320.557
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	-	1.304.667.619
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	8.000.000	-
Công ty CP Sách Bình Dương	Cùng Tập đoàn	1.010.750	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	510.000	-



	Mối quan hệ	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2016	năm 2015
		VND	VND
Mua hàng hóa		18.958.580.043	26.829.914.899
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	214.076.624	280.511.934
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	452.539.796	277.337.864
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	203.277.260	671.899.040
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	159.670.800	21.561.600
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	-	10.019.148.640
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	82.211.828	12.559.140
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	462.000.000	475.200.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	2.447.106.902	5.366.341.535
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	8.929.630.596	8.957.064.423
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.356.673.552	742.714.723
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	101.392.685	5.576.000
Công ty CP Học liệu	Cùng Tập đoàn	4.550.000.000	-
Chi phí tổ chức bán thảo, biên tập, quản lý xuất bản		28.501.230.531	21.684.129.949
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	-	5.909.091
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	787.953.987	616.987.162
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	27.713.276.544	21.061.233.696
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng		840.440.907	369.163.636
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	268.663.636	264.436.363
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 1	Cùng Tập đoàn	461.847.271	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	5.202.727	-
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	104.727.273	104.727.273
Cổ tức và lợi nhuận được chia		105.000.000	112.500.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	105.000.000	112.500.000
Chi phí khác		4.909.000	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	4.909.000	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		31.358.096.061	6.192.872.228
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	1.680.847.945	1.959.027.063
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Bình Dương	Cùng Tập đoàn	1.010.750	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	3.348.453.923	-
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	13.308.078.232	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn	1.369.779.450	1.568.873.050
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	-	462.824.789
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	2.434.138.207	171.790.780
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	662.187.187	117.512.085
Công ty CP Kỹ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	1.874.826.345	280.000.564
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	1.360.153.340	1.360.153.340
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	14.602.868	233.984.757
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	6.195.000	-
Công ty CP Sách Giáo Dục tại Thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	5.297.822.814	-
Công ty CP Sách Dân Tộc	Cùng Tập đoàn	-	38.705.800
Người mua trả tiền trước		1.891.042.278	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	1.891.042.278	-
Phải trả người bán ngắn hạn		39.564.248.029	15.579.097.193
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	29.193.032.410	12.934.149.027
Công ty CP Thiết Bị Giáo Dục 1	Cùng Tập đoàn	254.016.000	-
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	205.457.520	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2.310.678.090	1.016.931.216
Công ty CP Học Liệu	Cùng Tập đoàn	-	1.079.400.960
Công ty CP Sách Đại học và Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	344.139.796	-
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	27.001.885	-
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	7.229.922.328	548.615.990



Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	1.885.672.102	1.206.634.388

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.



Lương Ngọc Bích
Người lập biểu



Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2016